

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2017/HC-ST
Ngày 29 - 8 - 2017
V/v khiếu kiện quyết định hành
chính, hành vi hành chính về lĩnh
vực quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Công Nho

Bà Trương Thị Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thuận - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 26/2017/TLST-HC ngày 11 tháng 4 năm 2017 về khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2017/QĐXXST-HC ngày 11 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Phan Kim B, sinh năm 1963.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Bà Ung Thị T, sinh năm 1965.

Cùng địa chỉ: Khối phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

(Văn bản ủy quyền ngày 12/5/2017).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Nguyễn Phúc T, Công ty Luật TNHH MTV M, thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Đường L, quận H, thành phố Đà Nẵng.

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

2. Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Địa chỉ: 70 Hùng Vương, thành phố T, tỉnh Quảng Nam

Người đại diện theo pháp luật của người bị kiện: Ông Văn Anh T, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Bùi Ngọc A, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có đơn xin vắng mặt.

(Giấy ủy quyền số 59/GUQ-UBND ngày 12/5/2017).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

1. Ông Nguyễn Ngọc T, Giám đốc Chi nhánh Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố T. Địa chỉ: 159 T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

2. Ông Đinh Hữu T, Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T. Địa chỉ: 70 H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có đơn xin vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Quyết T, Chánh Thanh tra thành phố T. Địa chỉ: 70 H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

4. Ông Nguyễn Văn T, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Địa chỉ: Khối phố P, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1957. Địa chỉ: Khối phố A, phường A, thành phố T tỉnh Quảng Nam.

2. Ông Huỳnh Tấn L, sinh năm 1978. Địa chỉ: Khối phố P, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

3. Ông Trương Công T, sinh năm 1954. Địa chỉ: Khối phố P, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

4. Ông Phan Đình T, sinh năm 1936. Địa chỉ: Khối phố P, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

5. Ông Phạm Văn T, sinh năm 1953. Địa chỉ: Khối phố P, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

6. Ông Nguyễn A, sinh năm 1947. Địa chỉ: Khối phố P, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

7. Ông Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1946. Địa chỉ: Khối phố P, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

8. Ông Doãn Bá N, sinh năm 1980. Địa chỉ: Ủy ban nhân dân xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung đề ngày 27/3/2017, các văn bản có tại hồ sơ vụ án và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện - bà Ung Thị T tại phiên tòa thì:

Năm 1996, hộ ông Phan Kim B được nhà nước bố trí phần diện tích đất 350m² tại khu vực Đồng Nhong, phía Nam sông Bàn Thạch để trồng lúa. Sau đó, gia đình ông B chuyển sang trồng sắn và việc sử dụng diện tích đất trên là ổn định, liên tục, không tranh chấp. Đến năm 2016, khi Nhà nước thực hiện dự án đường Điện Biên Phủ thì hộ gia đình ông B có diện tích đất 256,5m² bị ảnh hưởng bởi dự án nhưng không được Nhà nước bồi thường, hỗ trợ nên gia đình ông Phan Kim B có đơn kiến nghị.

Ngày 10/11/2016 Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố T có Công văn số 2049/UBND-VP với nội dung cho rằng phần diện tích gia đình ông Phan Kim B là đất công ích 5% và gia đình ông không sử dụng từ năm 2005 đến nay nên không bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông B.

Ngày 21/02/2017, Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 1949/QĐ-UBND với nội dung không chấp nhận đơn khiếu nại của ông Phan Kim B, giữ nguyên Công văn số 2049/UBND-VP ngày 10/11/2016 của UBND thành phố T về việc trả lời đơn của hộ ông Phan Kim B.

Nhận thấy Quyết định số 1949/QĐ-UBND ngày 21/02/2017 của Chủ tịch UBND thành phố T là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông B. Do đó, ông B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy Quyết định số 1949/QĐ-UBND ngày 21/02/2017 của Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh Quảng Nam về việc giải quyết khiếu nại của ông và buộc UBND thành phố T giải quyết bồi thường cho hộ ông đối với diện tích 256,5m² đất bị ảnh hưởng bởi dự án đường Điện Biên Phủ.

Theo Văn bản số 1454/UBND-TTPTQĐ ngày 18/7/2017 của UBND thành phố T thì:

Về nguồn gốc sử dụng đất: Nguyên thừa đất này năm 1994 khi mới bắt đầu phân chia là đất dự phòng, tại thời điểm đó có 4 hộ là Phạm Văn T, Nguyễn Thị H, Phan Kim B (là con của bà Nguyễn Thị H1), Phan Đình T có tăng thêm nhân khẩu trong hộ nên “Đội phân chia” đã chia thêm cho 4 hộ này sử dụng trồng hoa màu từ năm 1994. Theo Hồ sơ 64/CP là đất công ích (5%) do UBND xã T (nay là UBND phường A) quản lý. Theo Hồ sơ 60/CP phê duyệt năm 2005 đến nay các hộ không còn sử dụng đất do sản xuất và chứa đất gạch những năm trước đây, hiện nay bỏ hoang (Hồ sơ 60/CP phê duyệt là đất lò gạch). Qua kiểm tra hồ sơ thuê đất 5% lưu tại phường A thì tại vị trí thửa đất này có 1 hộ ông Phan Kim B có Hợp đồng thuê đất công ích của địa phương với diện tích 260,0 m² (thời gian thuê từ 2005-2009); còn lại 3 hộ ông Phạm Văn T, Nguyễn Thị H,

Phan Đình T không có Hợp đồng thuê đất với UBND xã T.

Thửa đất nói trên của hộ ông Phan Kim B là đất 5% do UBND phường quản lý; hộ ông B không còn sử dụng từ năm 2005 đến nay. Hộ ông B cũng không cung cấp được bất kỳ giấy tờ nào có liên quan về quyền sử dụng đất. Căn cứ khoản 3, điều 10 Quyết định số 23/2010/QĐ-UBND ngày 30/9/2010 của UBND tỉnh Quảng Nam (nay là điều 7 Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Quảng Nam) và Điều 64 Luật đất đai 2013 thì không đủ cơ sở để thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng cho hộ ông B theo quy định.

UBND thành phố T ban hành Quyết định số 1949/QĐ-UBND ngày 21/02/2017 về việc giải quyết khiếu nại của ông Phan Kim B là đúng theo quy định pháp luật. Yêu cầu khởi kiện của ông Phan Kim B là không có cơ sở, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định.

Người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân phường A - ông Nguyễn Văn T trình bày:

Theo Kết luận giám định số 497/C54C(DD2) ngày 31/7/2017 của Phân viện Khoa học hình sự thì chữ ký “KB” dưới mục “BÊN THUÊ ĐẤT” trên Hợp đồng cho thuê đất công ích phường số 199/HĐ-UB ngày 03/01/2005 so với chữ ký của ông Phan Kim B không phải do cùng một người ký ra. Về kết quả giám định thì UBND phường A không có ý kiến.

Tuy nhiên vào thời điểm năm 2005 thì việc cho thuê đất là do Tổ công tác ở địa phương thực hiện, ông B không trực tiếp ký Hợp đồng nhưng có thể là hộ gia đình ông Phan Kim B ký. Hồ sơ cho thuê đất công ích của ông Phan Kim B được lưu tại UBND phường bao gồm Hợp đồng cho thuê đất, Chứng minh nhân dân của bà Ung Thị T (vợ ông Phan Kim B) và Sổ hộ khẩu gia đình nên UBND phường không thể làm giả mạo hợp đồng.

UBND thành phố T ban hành Quyết định số 1949/QĐ-UBND ngày 21/02/2017 với nội dung không chấp nhận nội dung đơn khiếu nại ngày 12/12/2016 của ông Phan Kim B, đồng thời giữ nguyên Công văn số 2049/UBND-VP ngày 10/11/2016 của UBND thành phố T về việc trả lời đơn của các hộ dân trong đó có hộ ông Phan Kim B là đúng theo quy định pháp luật. Việc khởi kiện của ông Phan Kim B là không có cơ sở.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện - Luật sư Nguyễn Phúc T có quan điểm như sau:

Việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh Quảng Nam là chưa đúng theo quy định pháp luật. Lý do:

Thứ nhất, diện tích đất này không phải là đất công ích. UBND thành phố T cho rằng hộ gia đình ông B có thuê đất công ích của UBND phường A được thể hiện tại Hợp đồng cho thuê đất công ích phường số 199/HĐ-UB ngày 03/01/2005. Tuy nhiên, tại Kết luận giám định số 497/C54C(DD2) ngày 31/7/2017 của Phân viện Khoa học hình sự đã kết luận chữ ký “KB” dưới mục

“BÊN THUÊ ĐẤT” trên Hợp đồng cho thuê đất công ích phường số 199/HĐ-UB ngày 03/01/2005 so với chữ ký của ông Phan Kim B không phải do cùng một người ký ra. Do đó, giữa ông Phan Kim B với UBND phường A không có hợp đồng cho thuê đất, điều đó chứng tỏ diện tích đất này không phải là đất công ích. Diện tích đất này gia đình ông B đã quản lý và sử dụng ổn định, không tranh chấp.

Thứ hai, UBND thành phố T cho rằng gia đình ông B không sử dụng đất từ năm 2005 đến nay là không đúng với thực tế. Lý do, thực tế gia đình ông B có quản lý sử dụng đất từ trước đến nay, diện tích đất này UBND phường A cũng như các cơ quan của UBND thành phố T không quản lý và cũng chưa có văn bản nào chứng minh rằng gia đình ông B không sử dụng từ thời điểm năm 2005 đến nay. Theo quy định tại Điều 75 Luật đất đai 2013 và Điều 6, Quyết định số 43/2014 ngày 22/12/2014 gia đình ông B đủ điều kiện để được bồi thường hỗ trợ về đất.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông Phan Kim B về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 1949/QĐ-UBND ngày 21/02/2017 của Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh Quảng Nam về việc giải quyết khiếu nại của ông và buộc UBND thành phố T giải quyết bồi thường cho hộ ông đối với diện tích 256,5m² đất bị ảnh hưởng bởi dự án đường Điện Biên Phủ là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp theo quy định pháp luật. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Kim B.

Những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện đều trình bày quan điểm:

Việc khởi kiện của ông Phan Kim B là không có cơ sở. UBND thành phố T ban hành Quyết định số 1949/QĐ-UBND ngày 21/02/2017 với nội dung: Không chấp nhận nội dung đơn khiếu nại ngày 12/12/2016 của ông Phan Kim B, đồng thời giữ nguyên Công văn số 2049/UBND-VP ngày 10/11/2016 của UBND thành phố T về việc trả lời đơn của các hộ dân trong đó có hộ ông Phan Kim B là đúng theo quy định pháp luật. Do đó, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo hướng bác đơn khởi kiện của ông Phan Kim B.

Những người làm chứng:

1. Theo Biên bản lấy lời khai ngày 10/8/2017, đơn trình bày ngày 03/8/2017 của ông Nguyễn Thanh T: Vào năm 1996, hộ ông B được Nhà nước bố trí diện tích đất khoảng 350m² để trồng lúa, sau đó ông B chuyển sang trồng sắn và hoa màu khác. Liên quan đến Hợp đồng cho thuê đất công ích phường số 199/HĐ-UB ngày 03/01/2005 thời hạn thuê từ năm 2005 đến 2009 giữa ông là Nguyễn Thanh T (Đại diện UBND xã T) và ông Phan Kim B là ông có ký nhưng do Cán bộ địa chính trình cho ông ký, ông không trực tiếp ký với ông B. Sau đó, hộ ông B tiếp tục sử dụng để canh tác. Ông đề nghị Tòa án căn cứ vào quá trình sử dụng đất của hộ ông B để giải quyết vụ án.

2. Theo Biên bản lấy lời khai ngày 09 /8/2017 và lời khai tại phiên tòa của ông Huỳnh Tấn L: Nội dung cuộc họp lấy ý kiến của khu dân cư vào ngày

25/6/2015 chỉ có 2 nội dung là lấy ý kiến về việc xác định thửa đất mà ông B đang khởi kiện có đúng là đất dự phòng hay không và xác định có đúng là thửa đất này được chia cho 4 hộ dân gồm hộ Phạm Văn T, Nguyễn Thị H, Phan Kim B, Phan Đình T sử dụng hay không. Tại cuộc họp không có lấy ý kiến về việc đất có bỏ hoang. Vì thửa đất này hộ ông Phan Kim B là sử dụng để trồng khoai lang, khoai mỳ, lúa...Việc sử dụng đất của hộ ông B là liên tục nhưng sau này do đất ở đó bị nhiễm mặn nên có năm hộ ông B canh tác, khi đất nhiễm mặn thì hộ ông B không canh tác.

3. Theo Biên bản lấy lời khai ngày 03/8/2017 và tại phiên tòa, ông Phan Đình T, ông Phạm Văn T, ông Nguyễn A đều khai rằng: Nguyên thửa đất trong đó có một phần diện tích đất mà ông Phan Kim B đang khởi kiện trước đây là đất dự phòng. Năm 1996, Đội phân chia ruộng đất đã chia thêm cho 4 hộ là Phạm Văn T, Nguyễn Thị H, Phan Kim B, Phan Đình T để sử dụng trồng lúa. Việc sử dụng đất của hộ ông B là liên tục, sau này do đất ở khu vực này bị nhiễm mặn nên hộ ông B có khi canh tác, có khi không canh tác. Nội dung được ghi trong Phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 25/5/2015 là không đúng. Tại cuộc họp chỉ lấy ý kiến về việc xác nhận nguồn gốc thửa đất này trước đây là đất dự phòng và được chia thêm cho 4 hộ Phạm Văn T, Nguyễn Thị H, Phan Kim B, Phan Đình T để sử dụng, không có lấy ý kiến về việc xác nhận đất bỏ hoang từ năm 2005 đến nay.

4. Theo Biên bản lấy lời khai ngày 03/8/2017 và tại phiên tòa, ông Trương Công T, ông Nguyễn Ngọc A đều khai rằng: Việc sử dụng đất của hộ ông B là liên tục nhưng do đất ở đó bị nhiễm mặn nên có năm ông B canh tác, có năm không canh tác, đất không phải là bỏ hoang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, HĐXX đúng thành phần, thực hiện đúng quy định của Luật tổ tụng hành chính (TTHC) về phiên tòa sơ thẩm. Người tham gia phiên tòa đúng theo giấy triệu tập của Tòa án, thực hiện đúng quy định của Luật TTHC. Hội đồng xét xử đã tạo điều kiện cho các đương sự tranh luận tại phiên tòa để làm rõ nội dung vụ án. Về nội dung vụ án: Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 193 Luật TTHC, đề nghị HĐXX tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Kim B, hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 1949/QĐ-UBND ngày 21/02/2017 của Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh Quảng Nam về việc giải quyết khiếu nại của ông và buộc UBND thành phố T giải quyết bồi thường cho hộ ông đối với diện tích 256,5m² đất bị ảnh hưởng bởi dự án đường Điện Biên Phủ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của các bên đương sự và tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử (HĐXX) sơ thẩm xét thấy:

[1] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà Ung Thị T không thay đổi, bổ sung, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị HĐXX xem xét giải quyết để đảm bảo quyền lợi cho gia đình ông B.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) và UBND thành phố T là ông Bùi Ngọc Ảnh - Phó Chủ tịch UBND thành phố T, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện - Luật sư Nguyễn Phúc T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện - ông Đinh Hữu T vắng mặt nhưng đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 168 Luật tố tụng hành chính, HĐXX sơ thẩm tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt người bị kiện và những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp.

Về sự vắng mặt của người làm chứng ông Nguyễn Thanh T: HĐXX sơ thẩm xét thấy vào ngày 10/8/2017 ông Nguyễn Thanh T đã có lấy lời khai trực tiếp tại Tòa án và đã cung cấp Đơn trình bày ý kiến. Việc vắng mặt của ông T không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án nên HĐXX vẫn tiến hành phiên tòa xét xử.

[3] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 21/02/2017, Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 1949/QĐ-UBND với nội dung không chấp nhận đơn khiếu nại của ông Phan Kim B về việc yêu cầu được bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 256,5m² đất bị ảnh hưởng bởi dự án đường Điện Biên Phủ.

Quyết định số 1949/QĐ-UBND ngày 21/02/2017 của Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh Quảng Nam về việc giải quyết khiếu nại của ông Phan Kim B là một quyết định hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án bằng vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng hành chính.

Ngày 10/3/2017, Tòa án nhân dân (TAND) tỉnh Quảng Nam nhận được đơn khởi kiện và ngày 31/3/2017 nhận được đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện của ông Phan Kim B về việc yêu cầu TAND tỉnh Quảng Nam hủy Quyết định giải quyết khiếu nại. Ông Phan Kim B thực hiện việc khởi kiện tại TAND tỉnh Quảng Nam là trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính 2015.

Vì vậy, TAND tỉnh Quảng Nam đã thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án hành chính là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

[4]. Về nội dung khởi kiện:

4.1. Xét trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 1949/QĐ-UBND ngày 21/02/2017 của Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh Quảng Nam:

Trên cơ sở khiếu nại của ông Phan Kim B về việc diện tích đất 256,5m² của hộ gia đình ông bị ảnh hưởng bởi dự án đường Điện Biên Phủ nhưng không được bồi thường, hỗ trợ. Ngày 21/02/2017 Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định số 1949/QĐ-UBND để giải quyết khiếu nại của ông là đã thực hiện đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 7, khoản 1 Điều 18, Điều 27 của Luật khiếu nại năm 2011; Nghị định 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại; Thông tư 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.

4.2. Xét nội dung Quyết định giải quyết khiếu nại số 1949/QĐ-UBND ngày 21/02/2017 của Chủ tịch UBND thành phố T:

Nội dung Quyết định giải quyết khiếu nại của UBND thành phố T cho rằng thửa đất ông Phan Kim B đang khiếu nại yêu cầu bồi thường là do UBND phường A quản lý, là đất công ích 5%, ông B thuê đất công ích của phường để sử dụng tại Hợp đồng số 199/HĐ-UB ngày 03/01/2005 và từ năm 2005 đến nay thì hộ ông Phan Kim B không trực tiếp canh tác, bỏ hoang do đó hộ ông Phan Kim B không đủ điều kiện để được bồi thường, hỗ trợ theo quy định pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Diện tích đất 256,5 m² mà ông Phan Kim B khởi kiện yêu cầu UBND thành phố T thực hiện việc bồi thường có nguồn gốc như sau:

Tại Hồ sơ đăng ký theo Quyết định số 201/QĐ-HĐTT: Không có thể hiện trong hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất.

Tại Hồ sơ đăng ký theo Nghị định 64/CP: Là một phần thuộc thửa đất số 252 và thửa đất số 278 tờ bản đồ số 41. Thửa đất số 252 có diện tích 913m², loại đất M (đất màu) và thửa 278 có diện tích 260m², loại đất M (đất màu) đều do UBND xã T (nay là UBND phường A) đứng tên đăng ký chủ sử dụng đất (Sổ 5a).

Tại Hồ sơ 60/CP được duyệt ngày 06/4/2005: Là một phần thuộc thửa đất số 11, tờ bản đồ số 34, diện tích 1.513,8 m²; loại đất XD (đất xây dựng), do UBND phường A đứng tên đăng ký chủ sử dụng đất.

Theo hồ sơ trích đo để thực hiện bồi thường: Diện tích đất 256,5 m² là một phần thuộc thửa đất số 15, tờ bản đồ số 46, có diện tích 1.446,2m², loại đất SKX (đất sản xuất vật liệu xây dựng) do UBND phường A đứng tên đăng ký chủ sử dụng đất.

Người khởi kiện khai nguồn gốc thửa đất là do Đội phân chia ruộng đất chia cho hộ ông vào năm 1996 (sau khi thực hiện phân chia ruộng đất theo Nghị định 64/NĐ-CP) với diện tích đất khoảng 350m² để trồng hoa màu. Hộ ông sử dụng diện tích đất này để canh tác từ năm 1996 đến khi bị ảnh hưởng bởi dự án đường Điện Biên Phủ vào năm 2016.

Tại các văn bản cung cấp cho Tòa án, người bị kiện cũng thừa nhận nguồn gốc thửa đất trên là đất dự phòng do UBND xã T quản lý, hộ ông B được phân

chia thêm sau khi thực hiện phân chia ruộng đất theo Nghị định 64/CP để sử dụng trồng hoa màu vì tăng thêm nhân khẩu.

Như vậy, có thể xác định diện tích đất này tuy hộ ông B không kê khai, đăng ký, thửa đất do UBND xã T (nay là UBND phường A) quản lý nhưng thực tế hộ ông B đã được Hội phân chia ruộng đất giao đất và đã quản lý, sử dụng từ năm 1996.

Theo lời khai của những người làm chứng:

Ông Nguyễn Thanh T (Nguyên Phó Chủ tịch UBND phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam): *Hợp đồng cho thuê đất công ích phường số 199/HĐ-UB ngày 03/01/2005 thời hạn thuê từ năm 2005 đến 2009 giữa ông là Nguyễn Thanh T (Đại diện UBND xã T) và ông Phan Kim B là ông có ký nhưng do cán bộ địa chính trình cho ông ký, ông không ký trực tiếp với ông B. Sau đó, hộ ông B tiếp tục sử dụng đất để canh tác.*

Ông Huỳnh Tấn L (Trưởng ban nhân dân khối phố Phú Phong, phường A, là người Chủ trì trong cuộc họp lấy ý kiến khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất ngày 25/6/2015): *Nội dung cuộc họp lấy ý kiến của khu dân cư vào ngày 25/6/2015 chỉ có 2 nội dung là lấy ý kiến về việc xác định thửa đất mà ông B đang khởi kiện có đúng là đất dự phòng hay không và xác định có đúng là thửa đất này được chia cho 4 hộ dân gồm hộ Phạm Văn T, Nguyễn Thị H, Phan Kim B, Phan Đình T sử dụng hay không. Tại cuộc họp không có lấy ý kiến về việc đất có bỏ hoang. Vì thửa đất này hộ ông Phan Kim B là sử dụng để trồng khoai lang, khoai mì, lúa... Việc sử dụng đất của hộ ông B là liên tục nhưng sau này do đất ở đó bị nhiễm mặn nên có năm hộ ông B canh tác, khi đất nhiễm mặn thì hộ ông B không canh tác.*

Ông Phan Đình T, ông Phạm Văn T, ông Nguyễn A (những người tham dự cuộc họp lấy ý kiến về nguồn gốc đất) đều khai: *Nội dung được ghi trong Phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 25/5/2015 là không đúng. Tại cuộc họp chỉ lấy ý kiến về việc xác nhận nguồn gốc thửa đất này trước đây là đất dự phòng và được chia thêm cho 4 hộ Phạm Văn T, Nguyễn Thị H, Phan Kim B, Phan Đình T để sử dụng, không có lấy ý kiến về việc xác nhận đất bỏ hoang từ năm 2005 đến nay.*

Ngoài ra, những người sử dụng đất gần kề với thửa đất ông B như ông Trương Công T, ông Nguyễn Ngọc A đều khai rằng: *Việc sử dụng đất của hộ ông B là liên tục nhưng do đất ở đó bị nhiễm mặn nên có năm ông B canh tác, có năm không canh tác, đất không phải là bỏ hoang.*

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của những người làm chứng tại phiên tòa, HĐXX thấy rằng:

Phần diện tích đất hộ ông B khởi kiện yêu cầu được bồi thường, hỗ trợ thì hộ ông B vẫn sử dụng diện tích đất để canh tác từ năm 1996 đến khi bị ảnh hưởng bởi dự án, không phải bỏ hoang. Hộ ông B tuy có thời gian không sử dụng do đất bị nhiễm mặn nhưng đây là lý do khách quan, nên việc sử dụng diện tích đất trên của hộ gia đình ông B là ổn định, liên tục, không tranh chấp.

Theo lời khai của ông Huỳnh Tấn L - Người chủ trì cuộc họp và những người tham dự cuộc họp lấy ý kiến khu dân cư ngày 25/5/2015 đều cho rằng không có việc xác định thửa đất bỏ hoang. Điều đó chứng tỏ UBND phường A khi làm việc có sự sai lệch về hồ sơ, có sự không trung thực trong việc lấy ý kiến các hộ dân để xác định nguồn gốc sử dụng đất của hộ ông B.

Tại Kết luận giám định số 497/C54C(DD2) ngày 31/7/2017 của Phân viện Khoa học hình sự đã kết luận chữ ký “KB” dưới mục “BÊN THUÊ ĐẤT” trên Hợp đồng cho thuê đất công ích phường số 199/HĐ-UB ngày 03/01/2005 so với chữ ký của ông Phan Kim B không phải do cùng một người ký ra.

Do đó, ông B không phải là chủ thể ký kết hợp đồng, ông B không phải là người thuê đất công ích của phường để sử dụng như người bị kiện trình bày. Hợp đồng thuê đất giữa ông Phan Kim B với UBND phường A là không có giá trị pháp lý.

Căn cứ theo quy định tại Điều 75 Luật đất đai 2013:

Điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng:

“1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không phải là đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận) hoặc có đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này mà chưa được cấp, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 77 của Luật này; người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuộc đối tượng được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam mà có Giấy chứng nhận hoặc có đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này mà chưa được cấp”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 83 Luật đất đai 2013: *“Người sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất ngoài việc được bồi thường theo quy định của Luật này còn được Nhà nước xem xét hỗ trợ”.*

Căn cứ Điều 6 và khoản 2 Điều 9 Quyết định 43/2014 ngày 12/12/2014 của UBND tỉnh Quảng Nam về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Nam quy định: *“Đối với đất nông nghiệp đã sử dụng trước ngày 01/7/2004 mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp, nhưng không có Giấy chứng nhận hoặc không đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật Đất đai, thì được bồi thường đối với diện tích đất thực tế đang sử dụng, diện tích được bồi thường không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp quy định tại Điều 129 của Luật Đất đai”* thì hộ ông B đủ điều kiện để được bồi thường, hỗ trợ theo quy định pháp luật.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông Phan Kim B là có căn cứ, HĐXX có cơ sở để chấp nhận quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tại phiên tòa.

Từ những phân tích trên, HĐXX xét thấy nội dung giải quyết khiếu nại tại Quyết định số 1949/QĐ-UBND ngày 21/02/2017 của Chủ tịch UBND thành phố T là không phù hợp thực tế, không đúng quy định pháp luật nên cần hủy Quyết định giải quyết khiếu nại và buộc UBND thành phố T phải thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất bị ảnh hưởng bởi dự án đường Điện Biên Phủ của hộ ông B.

[5] Về chi phí giám định: Chi phí giám định chữ ký trên Hợp đồng cho thuê đất công ích phường số 199/HĐ-UB ngày 03/01/2005 là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Do chữ ký trên Hợp đồng cho thuê đất công ích phường không phải do ông Phan Kim B ký nên căn cứ Điều 362 Luật tố tụng hành chính 2015, người bị kiện phải chịu chi phí giám định.

[6] Về án phí hành chính sơ thẩm: Do yêu cầu của người khởi kiện ông Phan Kim B được chấp nhận nên căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính 2015;

Căn cứ Điều 75, Điều 83 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Kim B, tuyên hủy Quyết định số 1949/QĐ-UBND ngày 21/02/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam về việc giải quyết khiếu nại của ông và buộc Ủy ban nhân dân thành phố T giải quyết bồi thường, hỗ trợ cho ông Phan Kim B đối với diện tích 256,5m², thửa đất số 15, tờ bản đồ số 46 theo hồ sơ trích đo bồi thường thửa đất bị ảnh hưởng bởi dự án đường Điện Biên Phủ theo đúng quy định pháp luật.

Về chi phí giám định: Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam phải chịu chi phí giám định số tiền là 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*). Người khởi kiện đã nộp tiền chi phí giám định tại Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng. Do đó, Ủy ban nhân dân thành phố T có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Phan Kim B số tiền 5.000.000 đồng.

Về án phí hành chính sơ thẩm: Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*).

Hoàn trả lại cho ông Phan Kim B số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 000467 ngày 11/4/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Xuân Liêm